

Số: 188 /QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 09 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Điều lệ Hội Nông sản tỉnh Lai Châu

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1539/QĐ-UBND ngày 22/11/2021 của UBND tỉnh về việc thành lập Hội Nông sản tỉnh Lai Châu;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 113/TTr-SNV ngày 27/01/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ Hội Nông sản tỉnh Lai Châu đã được Đại hội thành lập của Hội thông qua ngày 27 tháng 11 năm 2021.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Hội Nông sản tỉnh Lai Châu; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Ban Dân vận Tỉnh ủy;
- Các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Nội vụ;
- Văn phòng UBND tỉnh: V3, KT, CB;
- Lưu: VT, Th6.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hà Trọng Hải

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



ĐIỀU LỆ
HỘI NÔNG SẢN TỈNH LAI CHÂU

*(Kèm theo Quyết định số 188 /QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi

1. Tên Việt Nam: Hội Nông sản tỉnh Lai Châu.
2. Tên tiếng Anh: Agricultural Products Association of Lai Châu Province.
3. Tên viết tắt tiếng Anh: APALCP.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích của Hội

Hội Nông sản tỉnh Lai Châu là tổ chức xã hội - nghề nghiệp của các tổ chức, cá nhân trong nước và tỉnh Lai Châu, không phân biệt thành phần dân tộc, giới tính, tôn giáo để hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản; tự nguyện thành lập nhằm mục đích tập hợp, đoàn kết hội viên, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên, thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản của tỉnh, thống nhất đưa ra phương hướng hoạt động hoặc kiến nghị tới cấp có thẩm quyền giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản, đáp ứng tiêu chuẩn an toàn thực phẩm trong và ngoài nước, tạo ra các sản phẩm chất lượng cao, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, góp phần bảo vệ sức khỏe con người, bảo vệ môi trường, đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế, quốc tế; hỗ trợ các cơ quan nhà nước trong việc hoạch định chiến lược, kế hoạch, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp góp phần vào sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh và đất nước.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.
2. Trụ sở của Hội đặt tại số nhà 300, đường Trần Phú, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu (Công ty Cổ phần Liên Việt Lai Châu).

Điều 4. Phạm vi hoạt động, lĩnh vực hoạt động

1. Hội hoạt động trên phạm vi tỉnh Lai Châu, trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, chế biến, bảo quản nông lâm thủy sản.

2. Hội Nông sản tỉnh Lai Châu là thành viên của Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh Lai Châu.

3. Hội chịu sự quản lý toàn diện của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu và quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan nhà nước thuộc UBND tỉnh có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ

Điều 6. Quyền hạn

1. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích của Hội.
2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội.
3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.
4. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan nhà nước; cung cấp dịch vụ công về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội, tổ chức dạy nghề, truyền nghề theo quy định của pháp luật.
5. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hội và lĩnh vực Hội hoạt động. Được tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật và được cấp chứng chỉ hành nghề khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.
6. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.
7. Thành lập pháp nhân thuộc Hội theo quy định của pháp luật.

8. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.

9. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao.

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được phê duyệt. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hội nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Hội, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

3. Phổ biến, huấn luyện kiến thức cho hội viên, hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ, quy chế, quy định của Hội.

4. Thực hiện các hoạt động của Hội để góp phần phát triển lĩnh vực sản xuất nông nghiệp an toàn, bền vững. Xây dựng các chương trình, kế hoạch, dự án, cung cấp các dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu của tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp an toàn theo quy định của pháp luật.

5. Xây dựng, củng cố và phát triển tổ chức, mạng lưới hội viên; bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của hội viên và là cầu nối giữa doanh nghiệp với các cơ quan quản lý nhà nước, giữa doanh nghiệp với các đối tác khách hàng và giữa hội viên với nhau theo quy định của pháp luật.

6. Tiến hành các hoạt động xây dựng, quảng bá, phát triển thương hiệu và nâng cao uy tín doanh nghiệp, doanh nhân, hàng hóa, dịch vụ của hội viên; thúc đẩy các dịch vụ hỗ trợ phát triển sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật.

7. Tư vấn và hỗ trợ hội viên đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, tham gia hệ thống truy xuất nguồn gốc điện tử.

8. Đại diện hội viên tham gia, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

9. Hoà giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật.

10. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội.

11. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo đúng quy định của pháp luật.

12. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên của Hội gồm hội viên chính thức, hội viên liên kết và hội viên danh dự:

a) Hội viên chính thức: Là những doanh nghiệp, tổ chức, công dân Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, kinh doanh và sử dụng sản phẩm nông nghiệp an toàn trên địa bàn tỉnh Lai Châu có đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều này, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội thì được Hội xem xét, công nhận trở thành hội viên chính thức của Hội.

b) Hội viên liên kết: Là những tổ chức, doanh nghiệp liên doanh và doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài (sau đây gọi chung là doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài) có đăng ký và hoạt động hợp pháp tại Lai Châu, có đóng góp cho sự phát triển của hội, tán thành Điều lệ Hội thì được Hội xem xét, công nhận là hội viên liên kết.

c) Hội viên danh dự: Là những tổ chức và cá nhân có uy tín, có đóng góp đặc biệt vào việc thực hiện mục đích và nhiệm vụ của Hội; những chuyên gia, các tổ chức chuyên môn khác ở trong và ngoài tỉnh có khả năng đóng góp cho hoạt động của Hội mà không có điều kiện hay không đủ tiêu chuẩn trở thành hội viên chính thức của Hội, tán thành điều lệ của Hội thì được Hội xem xét, công nhận là hội viên danh dự.

2. Tiêu chuẩn hội viên chính thức

a) Là công dân Việt Nam.

b) Tổ chức, doanh nghiệp có trụ sở đóng trên địa bàn tỉnh Lai Châu và trong nước. Có người đại diện pháp lý là công dân Việt Nam.

c) Hoạt động sản xuất kinh doanh phải đảm bảo an toàn thực phẩm, môi trường và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

d) Sản phẩm của cơ sở đó có nguồn gốc rõ ràng, tem nhãn đầy đủ theo quy định, sản phẩm được sản xuất theo chuỗi hoặc sản xuất theo các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm.

đ) Tự nguyện tham gia, tán thành điều lệ của Hội, có đơn xin gia nhập và được Ban Thường vụ Hội đồng ý.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.

3. Được tham gia thảo luận, biểu quyết các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử và bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của Hội.

5. Được giới thiệu hội viên mới.

6. Được khen thưởng theo quy định của Hội.

7. Được cấp thẻ Hội viên (nếu có).

8. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên. Trường hợp hội viên tự nguyện ra khỏi Hội thì phải hoàn thành các nghĩa vụ đóng phí đến thời điểm xin ra khỏi Hội.

9. Hội viên liên kết, hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban lãnh đạo, Ban Kiểm tra Hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, chấp hành Điều lệ, quy định của Hội.

2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội ngày càng vững mạnh.

3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.

4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.

5. Đóng Hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra Hội

1. Thủ tục kết nạp hội viên: Các tổ chức, cá nhân có đầy đủ các tiêu chuẩn quy định tại Điều 8, tán thành Điều lệ Hội muốn trở thành hội viên phải nộp hồ sơ đăng ký tham gia Hội gồm:

a) Đơn đăng ký làm hội viên của Hội.

b) Bản sao quyết định thành lập hoặc giấy phép đăng ký kinh doanh.

c) Cung cấp thông tin giới thiệu về tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia.

2. Thẩm quyền kết nạp hội viên

Ban Chấp hành Hội xem xét hồ sơ đăng ký tham gia Hội và quyết định công nhận hội viên sau khi các cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.

3. Thủ tục ra khỏi Hội, khai trừ và xóa tên hội viên

a) Tự nguyện ra khỏi Hội: Hội viên nộp đơn xin ra khỏi Hội gửi Ban Chấp hành Hội xem xét, quyết định.

b) Hội viên là các cá nhân từ trần, mất năng lực hành vi dân sự thì Ban Thường vụ Hội xem xét xóa tên hội viên trong danh sách của Hội.

c) Hội viên bị tước quyền công dân bởi một bản án hoặc quyết định có hiệu lực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì đương nhiên bị xóa tên trong danh sách của Hội.

d) Hội viên là tổ chức, doanh nghiệp bị đình chỉ hoặc chấm dứt hoạt động; giải thể hoặc phá sản bởi quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

đ) Hội viên bị khai trừ, xóa tên có quyền khiếu nại lên Đại hội và quyết định của Đại hội là quyết định cuối cùng.

e) Hội viên bị khai trừ trong những trường hợp sau:

- Hội viên làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi, uy tín của Hội;
- Cá nhân không có hoặc hạn chế năng lực hành vi, tổ chức doanh nghiệp bị giải thể hoặc phá sản;
- Vi phạm các nghị quyết, quy định của pháp luật, của Hội và Điều lệ Hội;
- Ban Chấp hành Hội ra nghị quyết khai trừ hội viên trong các trường hợp trên.

g) Ban Chấp hành Hội xem xét các điều kiện, nghị quyết và công bố công khai danh sách các hội viên xin rút khỏi Hội, danh sách hội viên bị xóa tên và danh sách hội viên bị khai trừ. Quyền và nghĩa vụ của hội viên bị chấm dứt kể từ ngày Ban Chấp hành Hội ra nghị quyết xóa tên hoặc khai trừ hội viên ra khỏi Hội.

4. Đối với ủy viên Ban Chấp hành Hội muốn xin ra khỏi Hội phải có đơn gửi Ban Chấp hành và báo cáo tại cuộc họp Ban Chấp hành gần nhất; Ban Chấp hành Hội sẽ xem xét, quyết định và phải tiến hành bàn giao công việc, cơ sở vật chất, tài chính mà mình phụ trách (nếu có) cho tổ chức, cá nhân được Ban Chấp hành Hội giao tiếp nhận.

5. Ủy viên Ban Chấp hành Hội không tham dự liên tục 03 (ba) kỳ họp Ban Chấp hành mà không có lý do chính đáng thì bị xóa tên trong danh sách Ban Chấp hành, đồng thời phải có trách nhiệm bàn giao công việc, cơ sở, vật chất, tài chính mà mình phụ trách cho Hội.

Chương IV

TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội.
2. Ban Chấp hành.
3. Ban Thường vụ.
4. Ban Kiểm tra.
5. Các tổ chức thuộc Hội (nếu có).

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số uỷ viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận và thông qua báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Hội.

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ Hội; Điều lệ (sửa đổi, bổ sung); đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội (nếu có).

c) Thảo luận, góp ý kiến vào Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành và Báo cáo tài chính của Hội.

d) Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra Hội.

đ) Các nội dung khác (nếu có).

e) Thông qua Nghị quyết tại Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định.

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được quá 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội do Đại hội bầu trong số các hội viên của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn uỷ viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ của Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội.

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội.

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội.

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, uỷ viên Ban Thường vụ, bầu bổ sung uỷ viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số uỷ viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không được quá 1/3 (một phần ba) so với số lượng uỷ viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định.

e) Xem xét, quyết định kết nạp hội viên, cho hội viên ra khỏi Hội; khai trừ và xóa tên hội viên; khen thưởng và kỷ luật hội viên theo Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

b) Ban Chấp hành mỗi năm họp 02 (hai) lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên 2/3 (hai phần ba) tổng số uỷ viên Ban Chấp hành.

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có 2/3 (hai phần ba) uỷ viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định.

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 2/3 (hai phần ba) tổng số uỷ viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 15. Ban Thường vụ Hội

1. Ban Thường vụ Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành. Ban Thường vụ Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ Đại hội:

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành.

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành.

c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

b) Ban Thường vụ mỗi năm họp 02 (hai) lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Thường vụ.

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có 2/3 (hai phần ba) ủy viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định.

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Thường vụ dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 16. Ban Kiểm tra Hội

1. Ban Kiểm tra Hội gồm: Trưởng ban, Phó Trưởng ban (nếu có) và một số ủy viên do Đại hội bầu ra. Trưởng Ban Kiểm tra được Ban Kiểm tra bầu, trúng cử theo nguyên tắc quá bán. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Bầu hoặc miễn nhiệm Trưởng ban, Phó Trưởng ban (nếu có); bầu bổ sung hoặc miễn nhiệm ủy viên Ban Kiểm tra.

b) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội, hội viên.

c) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra: Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 17. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các uỷ viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội.

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội về mọi hoạt động của Hội; chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội.

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ.

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội.

e) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được uỷ quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội.

3. Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội bầu trong số các uỷ viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định. Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc uỷ quyền. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Chương V

CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 18. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và đổi tên và giải thể Hội

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về Hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương VI

TÀI CHÍNH, TÀI SẢN CỦA HỘI

Điều 19. Tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội

a) Nguồn thu của Hội:

- Lệ phí gia nhập Hội, hội phí hàng năm của hội viên;
- Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật;
- Tiền tài trợ; ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
- Hỗ trợ của Nhà nước gắn với nhiệm vụ được giao (nếu có);
- Các khoản thu hợp pháp khác.

b) Các khoản chi của Hội:

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội;
- Chi thuê trụ sở làm việc, mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc;
- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành Hội phù hợp với quy định của pháp luật;
- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành Hội.

2. Tài sản của Hội bao gồm: Trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật; được Nhà nước hỗ trợ (nếu có).

Điều 20. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội.

2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chương VII KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 21. Khen thưởng

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên có thành tích xuất sắc được Hội khen thưởng hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 22. Kỷ luật

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Hội thì bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình thức: Phê bình, khiển trách, cảnh cáo, khai trừ, xóa tên ra khỏi Hội. Nếu gây thiệt hại về tài sản, tài chính thì ngoài hình thức kỷ luật, còn phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội

Chỉ có Đại hội Hội Nông sản tỉnh Lai Châu mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được 2/3 (hai phần ba) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ này gồm 8 chương, 24 điều đã được Đại hội đại biểu lần thứ nhất Hội Nông sản tỉnh Lai Châu thông qua ngày 27 tháng 11 năm 2021 tại thành phố Lai Châu và có hiệu lực thi hành sau khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Căn cứ quy định pháp luật về hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Nông sản tỉnh Lai Châu có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.
